|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 2708/QĐ-UBND | *Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 8 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*63/2010/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-63-2010-nd-cp-kiem-soat-thu-tuc-hanh-chinh-106929.aspx)*ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số*[*92/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-92-2017-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-lien-quan-den-kiem-soat-thu-tuc-hanh-chinh-348640.aspx)*ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số*[*61/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-61-2018-nd-cp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-357427.aspx)*ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số*[*02/2017/TT-VPCP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-02-2017-tt-vpcp-huong-dan-ve-nghiep-vu-kiem-soat-thu-tuc-hanh-chinh-366111.aspx)*ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số*[*01/2018/TT-VPCP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-01-2018-tt-vpcp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-400735.aspx)*ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số*[*61/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-61-2018-nd-cp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-357427.aspx)*ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2229/SGTVT-VP ngày 23/7/2019, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 944/SKHCN-TĐC ngày 29/7/2019,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 09 (chín) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Giao thông Vận tải áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh để áp dụng thống nhất tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Cục Kiểm soát TTHC, VPCP; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Chánh VP, các Phó CVP; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm TT-CB-TH tỉnh; - Lưu: VT, PC. | **KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH     Dương Tất Thắng** |

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Căn cứ pháp lý** |
| **I** | **Lĩnh vực Đường thủy Nội địa** | | | | |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | - Nghị định số [80/2008/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-80-2008-nd-cp-le-phi-truoc-ba-sua-doi-nghi-dinh-176-1999-nd-cp-68746.aspx) ngày 29/7/2008 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;  - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư số [198/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-198-2016-tt-btc-che-do-thu-nop-su-dung-phi-le-phi-linh-vuc-duong-thuy-noi-dia-duong-sat-321558.aspx) ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: 70.000 đồng/Iần cấp | Như trên |
| 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: 70.000 đồng/Iần cấp | - Nghị định số [80/2008/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-80-2008-nd-cp-le-phi-truoc-ba-sua-doi-nghi-dinh-176-1999-nd-cp-68746.aspx) ngày 29/7/2008 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;  - Thông tư số [75/2014/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-75-2014-tt-bgtvt-dang-ky-phuong-tien-thuy-noi-dia-262250.aspx) ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;  - Thông tư số [198/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-198-2016-tt-btc-che-do-thu-nop-su-dung-phi-le-phi-linh-vuc-duong-thuy-noi-dia-duong-sat-321558.aspx) ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. |
| 4 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Như trên |
| 5 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Như trên |
| 6 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: 70.000 đồng/Iần cấp | Như trên |
| 7 | Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Như trên |
| 8 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: 70.000 đồng/lần cấp | Như trên |
| 9 | Xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | Lệ phí: Không | Như trên |